|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  05/10/2022 | Dạy | Ngày | 17/10 | 18/10 |
| Tiết | 2 | 3 |
| Lớp | 9B | 9C |

**Tuần 7 – Tiết 31**

**THUẬT NGỮ**

**I/ MỤC TIÊU:** Sau khi học xong tiết học này, học sinh cần nắm được:

**1. Kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

   -  Khái niệm thuật ngữ.

   -  Những đặc điểm của thuật ngữ.

***2. Năng lực:***

- Năng lực chung: hợp tác, tự quản, sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: giao tiếp, sd ngôn ngữ, tạo lập VB,…

***3. Phẩm chất:***

- Yêu tiếng Việt, tự hào về ngôn ngữ dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II . CHUẨN BỊ**

1.Giáo viên

- Hướng dẫn HS chuẩn bị, các ví dụ, bảng phụ

- Các phương pháp: giải thích, thuyết trình, nhóm

2. Hoc sinh : Đọc và trả lời các câu hỏi trong ví dụ SGK

**III. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**A. Khởi động**

- Phương pháp : Vấn đáp.

- Thời gian: 3 phút

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN** | **HĐ CỦA HỌC SINH** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** |
| 1*/ Chuyển giao nhiệm vụ*  GV: Đưa một số từ ngữ  Ôxít, bazơ,xâm thực.., đặt câu hỏi  ? Những từ ngữ này được dùng trong bộ môn nào? Loại văn bản nào?  *2/ Thực hiện nhiệm vụ*  Hướng dẫn học sinh suy nghĩ và phát biểu, nhận xét  *3/ Báo cáo*  - Yêu cầu học sinh trả lời  - Giao viên chú ý lắng nghe  *4/ Đánh giá*  GV nhận xét câu trả lời của học sinh, chấm điểm và dẫn dắt vào bài mới  Đây là những từ ngữ được dùng trong các lĩnh vực khoa học, các môn khoa học đòi hỏi tính chính xác trong khái niệm. Đó là thuật ngữ. Thuật ngữ có đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ hiểu rõ được điều đó trong bài học hôm nay. | - Quan sát các ví dụ  - Độc lập suy nghĩ,phân tích ví dụ  - Nghe giáo viên nhận xét và dẫn dắt bì mới | **A**. **Khởi động**  - Kĩ năng nghe, giải quyết và trình bày.  - Có thái độ và trách nhiệm trước nhiệm vụ học tập. |

**B: Hình thành kiến thức**

- Phương pháp : Vấn đáp, theo nhóm

- Thời gian: 20 phút

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐCỦA GIÁO VIÊN** | **HĐ CỦA HỌC SINH** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** |
| **I. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  1/ Chuyển giao nhiệm vụ  GV Đưa ví dụ lên bảng phụ:, Nêu yêu cầu  ? So sánh 2 cách giải thích sau đây về nghĩa của từ nước và từ muối? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức hoá học.  ? Em đã học các định nghĩa này ở những bộ môn nào? Những từ ngữ in đậm đó chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  2/ Thực hiện nhiệm vụ  - Yêu cầu học sinh thực hiện hiện nhiệm vụ  - Quan sát, lắng nghe câu trả lời của học sinh  - Gợi ý để học sinh trả lời  *3/ Báo cáo*  - Yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi  - Dẫn dắt, gợi ý để học sinh báo cáo két quả  *4/ Đánh giá*  GV: Chốt , kết luận và nêu câu hỏi thu thu hoạch  GV: kết luận , ghi bảng =>  - Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1/ SGK/89  GV: Nhận xét và chấm điểm  **II. Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ**  1/ Chuyển giao  - Đưa lại các thuật ngữ lên bảng, yêu cầu học sinh  Trả lời các câu hỏi mục 1,2/ SGK để rút ra đặc điểm của thuật ngữ  2/ Thực hiện  - Quan sát, chú ý học sinh , dẫn dắt và gợi ý để học sinh trả lời câu hỏi  3/ Báo cáo  - Yêu cầu học sinh rút ra kết luận đặc điểm của thuật ngữ  4/ Đánh giá  GV khái quát lại đặc điểm của thuật ngữ và chốt kiến thức | Học sinh đọc ví dụ trên bảng phụ  - Theo dõi câu hỏi  - Học sinh hoạt động độc lâp, suy nghĩ , so sánh ., giải thích...  - 2 học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi, học sinh khác bổ sung .  - Học sinh quan sát lại các ví dụ trên bảng và sách giáo khoa  - Độc lập suy nghĩ thảo luận tự do  - 2 học sinh trả lời các câu hỏi, rút ra từng đặc điểm của thuật ngữ.  - Học sinh khác bổ sung, thống nhất kết quả  - Học sinh dựa vào ví dụ rút ra đặc điểm của thuật ngữ | **I . Thuật ngữ là gì?**  1. Ví dụ  VD1(b)  - Nước  - Muối  VD2:  - Thạch nhũ: địa lí  - Ba dơ: Hoá học  - Ẩn dụ: Ngữ văn  - Phân số thập phân: Toán học  -> Thuật ngữ  2.Ghi nhớ  ***-*** Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, dùng trong văn bản KHCN  \* Bài tập 1/ 89  **II Đặc điểm** **của thuật ngữ**  1. Xét ví dụ  2. Ghi nhớ  - Tính chính xác  +Trong lĩnh vực KH,CN, nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng 1 khái niệm.  +Thuật ngữ không có tính biểu cảm. |

**C. Luyện tập**

- Phương pháp : Vấn đáp, giải thích

- Kĩ thuật : động não.

- Thời gian : 15 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN** | **HĐ CỦA HỌC SINH** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** |
| **III. Hướng dẫn học sinh luyện tập**  *1/ Chuyển giao*  - Yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề bài tập 2, 4, 5  GV: Hướng dẫn học sinh làm 3 bài tập theo 3 nhóm/ trong nhóm thảo luận theo bàn  - Thời gian: 5 phút  *2/ Thực hiện*  Hướng dẫn, theo dõi, giải đáp thắc mắc, tư vấn học sinh  *3/ Báo cáo*  - Yêu cầu học sinh báo cáo , trình bày kết quả  *4/ Đánh giá*  - Nhận xét hoạt động nhóm  G V: Đánh giá chấm điểm cho học sinh | - Học sinh đọc và phân tích nêu yêu cầu bài tập 2,4,5.( SGK và VBT)  - Thảo luận thống nhất trong bàn  - Thời gian: 5 phút  -Lần lượt 3 học sinh( khá- g) trình bày kết quả  - Học sinh khác bổ sung, sửa chữa…  - Nghe giáo viên kết luận, đánh giá | **C. Luyện tập**  Bài tập 2/ 90  Bài tập 4/ 90  Bài tập 3/ VBT/ 59 |

**D. Vận dụng**

- Phương pháp : Vấn đáp, giải thích

- Kĩ thuật : động não.

- Thời gian : 5 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN** | **HĐ CỦA HỌC SINH** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** |
| 1/ *Bước 1: Chuyển giao*  - Hãy so sánh nghĩa của từ **mắt** trong sinh học với nghĩa của từ **mắt** trong ngôn ngữ thông thường: mắt cá chân, mắt bão, mắt lưới  2/  Hướng dẫn , gợi ý học sinh trả lời cau hỏi  3/ Yêu cầu học sinh trinh bày kết quả  4/ Đánh giá, chốt kiến thức và chấm điểm miệng | - Học sinh đọc bài tập trong VBT  - Học sinh độc lập thực hiện hoạt động vận dụng ( làm bài tập 4/ VBT)  - 1 học sinh( khá) trình bày kết quả  - nghe giáo viên kết luận | **D. Vận dụng**  Bài tập 4/ VBT/ 60 / 90 |

**E. Tìm tòi, mở rộng**

- Phương pháp : Vấn đáp, giải thích

- Kĩ thuật : động não.

- Thời gian : 2 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN** | **HĐ CỦA HỌC SINH** | **CHUẨN KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** |
| *Bước 1: Chuyển giao*  - Làm hoàn thành các bài tập  - Học thuộc ghi nhớ  - Tìm các thuật ngữ về môi trường  ***\* KK tự học: Trau dồi vốn từ***  Tìm hiểu các ví dụ để thấy được các hình thức để trau dồi vốn từ  1. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ.  2. Rèn luyện để làm tăng vốn từ  **- Soạn bài:** LVT cứu KNN  *Bước 2: Thực hiện*  *-* GV tư vấn, hướng dẫn HS thực hiện  *Bước 3: Báo cáo*  *-* GV nghe HS báo cáo ở tiết học sau  *Bước 4: Đánh giá* | - Học sinh vê nhà thực hiện hoạt động | **E. Tìm tòi, mở rộng** |